

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 7 – CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 11/02/2026

V/v Tranh chấp về hôn nhân gia
đình, nuôi con của nam, nữ chung
sống với nhau như vợ chồng mà
không đăng ký kết hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 – CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Vàng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Văn Chính

Bà Lâm Thị Loan Em

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thuận Phát, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 - Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ tham gia phiên tòa: Bà Lê Ngọc Niềm - Kiểm sát viên.

Trong ngày 11 tháng 02 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 - Cần Thơ. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 237/2025/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 12 năm 2025 về việc “Tranh chấp về hôn nhân gia đình, nuôi con của nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 317/2025/QĐXXST – HNGĐ ngày 31 tháng 12 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Đỗ A**, sinh ngày 01/01/1980 (Vắng mặt)

CCCD số, cấp ngày 13/04/2021.

Địa chỉ thường trú: ấp B, xã T, thành phố Cần Thơ

- Bị đơn: Ông **Huỳnh T**, sinh ngày 10/07/1979 (Vắng mặt)

CCCD số

Địa chỉ thường trú: ấp B, xã T, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1/ Theo đơn khởi kiện lập ngày 02/12/2025, quá trình tố tụng nguyên đơn bà Đỗ A trình bày:

Về hôn nhân: Bà A và ông Huỳnh T được cha mẹ hai bên tổ chức đám cưới năm 2003 nhưng không có đăng ký kết hôn.

Trong thời gian đầu vợ chồng bà chung sống với nhau rất vui vẻ và hạnh phúc, nhưng thời gian về sau đến tháng 6/2025 thì bà và ông T phát sinh nhiều bất đồng quan điểm trong lối sống, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn cãi vã với nhau, nhưng không ai biết. Hiện bà cảm thấy cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, bà và ông T đã ly thân với nhau từ tháng 6/2025 đến nay, cuộc sống mạnh ai nấy sống, bà và ông T làm tiền ai nấy xài, không có nói chuyện với nhau nhiều, phát sinh tình trạng này đã bảy năm nay, không còn ai quan tâm đến ai. Nay bà muốn ly hôn cho dứt khoát. Bà A yêu cầu được ly hôn với ông Huỳnh T.

Về con chung: Bà A và ông Huỳnh T có ba người con chung gồm cháu Huỳnh C, sinh ngày 19/02/2004, Huỳnh B, sinh ngày 01/3/2008 và cháu Huỳnh V, sinh ngày 05/3/2013, hiện nay cháu C đã trưởng thành nên bà không có yêu cầu gì; còn cháu B và cháu V thì bà A yêu cầu giao con cho ông T nuôi dưỡng do các cháu hiện nay đang sống chung với ông T. Bà không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung, nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ và chồng sau khi ly hôn: Bà A không yêu cầu xem xét.

Bà A xin được xét xử vắng mặt vì đi làm xa, đi lại khó khăn, không có điều kiện tham gia phiên tòa.

2/ Bị đơn ông Huỳnh T: Ông T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng thể hiện yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đỗ A nhưng ông T không có ý kiến phản đối, cũng không đến Tòa án tham gia phiên tòa.

3/ Kiểm sát viên thuộc Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ và đưa vụ án ra xét xử đúng thời gian, đúng trình tự thủ tục của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đúng thành phần, thực hiện đầy đủ các thủ tục, trình tự khi xét xử vụ án. Nguyên đơn vắng mặt nhưng có yêu cầu xin xét xử vắng mặt là chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của đương sự. Còn bị đơn vắng mặt không có lý do là chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Kiểm sát viên phát biểu về tính có căn cứ về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đỗ A, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố công nhận bà Đỗ A và ông Huỳnh T không phải là vợ chồng; về con chung: đề nghị Hội đồng xét xử giao con chung là cháu Huỳnh B, sinh ngày 01/3/2008 và cháu Huỳnh V, sinh ngày 05/3/2013 cho ông Huỳnh T nuôi dưỡng, còn cháu Huỳnh C, sinh ngày 19/02/2004 hiện nay đã trưởng thành, không ai yêu cầu gì đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét; Về cấp dưỡng nuôi con không ai yêu cầu gì đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét; về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Nguyên đơn bà Đỗ A khởi kiện yêu cầu không công nhận vợ chồng, nuôi con với bị đơn ông Huỳnh T cư trú tại ấp B, xã T, thành phố Cần Thơ, ngoài ra không yêu cầu gì thêm. Nên Tòa án xác định loại kiện “Tranh chấp về hôn nhân gia đình, nuôi con của nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ theo quy định tại các khoản 7, 8 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2025.

[2] Về vắng mặt đương sự: Nguyên đơn bà Đỗ A vắng mặt nhưng có yêu cầu xét xử vắng mặt và bị đơn ông Huỳnh T đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và các khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Đỗ A và ông Huỳnh T sống chung với nhau vào năm 2003, trên cơ sở tự nguyện, nhưng không có đăng ký kết hôn đã vi phạm khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình nên không được pháp luật công nhận. Trong khoảng thời gian sống chung thì ông T và bà A cũng đã có ba con chung. Lẽ ra, trong quá trình sống chung ông bà lo chí thú làm ăn để xây dựng gia đình đầm ấm, hạnh phúc, nhưng ngược lại trong cuộc sống chung giữa ông bà đã phát sinh nhiều mâu thuẫn. Theo bà A trình bày nguyên nhân là mâu thuẫn gia đình ngày càng nhiều, thường xuyên cự cãi, cuộc sống vợ chồng không còn tiếng nói chung, không còn thương yêu lẫn nhau, gia đình không hạnh phúc phát sinh từ bảy năm nay, không thể chung sống với nhau như vợ chồng được nữa, nên bà A đã sống ly thân với ông T từ tháng 6/2025 đến nay. Vì vậy, bà A yêu cầu không công nhận vợ chồng với ông T. Còn ông T không có ý kiến gì. Thấy rằng, từ những vấn đề phát sinh trong đời sống hằng ngày ông bà đã không có sự thông cảm cho nhau, nên đã làm cho gia đình xảy ra nhiều mâu thuẫn không thể giải quyết được, mâu thuẫn ngày càng gay gắt hơn, đời sống chung không còn hòa hợp với nhau nữa, nên ông bà đã sống ly thân với nhau. Tòa án cũng động viên bà A về sống chung nhằm hàn gắn lại tình cảm gia đình, nhưng bà A vẫn nhất định giữ nguyên yêu cầu ly hôn với nhau mà không về đoàn tụ lại với ông T. Xét thấy, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 39 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 là chấp nhận yêu cầu của bà A và tuyên bố không công nhận quan hệ sống chung giữa bà A và ông T là vợ chồng.

[4] Về con chung: Bà Đỗ A và ông Huỳnh T có ba người con chung gồm cháu Huỳnh C, sinh ngày 19/02/2004, Huỳnh B, sinh ngày 01/3/2008 và cháu Huỳnh V, sinh ngày 05/3/2013. Hiện nay cháu C đã trưởng thành, bà A không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Còn cháu B hiện nay hơn 17 tuổi và cháu V hiện nay hơn 13 tuổi, hai cháu đang sống chung với cha

ruột là ông T, bà A yêu cầu giao các cháu B và V cho ông T, ông T không có ý kiến gì nhưng các cháu B và V cũng có nguyện vọng được sống chung với cha (ông T) sau khi cha mẹ ly hôn với nhau. Xét thấy, tại Điều 15 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: *“Quyền, nghĩa vụ giữa nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng và con được giải quyết theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình về quyền, nghĩa vụ của cha mẹ và con.”* Do đó, đối chiếu khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: *“Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; **nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con**”*. Giữa bà A và ông T không thống nhất thỏa thuận với nhau về việc giao con chung cho ai nuôi dưỡng nên Hội đồng xét xử sẽ quyết định về việc giao con cho ai nuôi dưỡng. Tuy nhiên, các cháu B và V hiện nay đều hơn 07 tuổi và đều có nguyện vọng sống chung với cha (ông T) sau khi cha mẹ ly hôn với nhau, nên Hội đồng xét xử tôn trọng nguyện vọng của các cháu, phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh sống của các cháu, ổn định môi trường sống của các cháu nên Hội đồng xét xử quyết định giao các cháu B và V cho ông Huỳnh T nuôi dưỡng. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định pháp luật cho bà Đỗ A theo quy định của pháp luật. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về tài sản chung, nợ chung và nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng sau khi ly hôn: Các đương sự không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 của Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc bà Đỗ A phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm số tiền 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0011583, ngày 08/12/2025 của Cơ quan Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ. Ông Huỳnh T không phải chịu án phí.

[7] Đề nghị của Kiểm sát viên Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ về hướng giải quyết vụ án nêu trong phần nội dung vụ án là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các khoản 7, 8 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; các khoản 1, 3 Điều 228; Điều 266; Điều 271, Điều 273, Điều 280 của Bộ luật Tổ tụng dân sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2025;

Áp dụng Điều 39 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*** Tuyên xử:**

1/ **Về quan hệ hôn nhân:** Tuyên bố công nhận bà Đỗ A và ông Huỳnh T không phải là vợ chồng.

2/ **Về con chung:** Giao hai cháu Huỳnh B, sinh ngày 01/3/2008 và cháu Huỳnh V, sinh ngày 05/3/2013 cho ông Huỳnh T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng đến đủ 18 (mười tám) tuổi. Bà Đỗ A có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định của pháp luật. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết. Còn cháu Huỳnh C, sinh ngày 19/02/2004 hiện đã trưởng thành, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

3/ **Về tài sản chung, nợ chung và nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn:** Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

4/ **Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:**

Buộc bà Đỗ A phải chịu án phí là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Bà Đỗ A được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0011583, ngày 08/12/2025 của cơ quan Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ.

Ông Huỳnh T không phải chịu án phí.

5/ **Quyền kháng cáo:** Các đương sự đều vắng mặt được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết hợp lệ.

6/ **Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu yêu cầu thi hành án:** Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Cần Thơ;
- VKSND khu vực 7 – Cần Thơ;
- Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ;
- Phòng THADS khu vực 7 – Cần Thơ;
- Các đương sự;
- UBND xã T, TPCT;
- Lưu VT, Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Thị Vàng